

CARIYĀPIṬAKA PĀḶI
&
HẠNH TẶNG

III. NEKKHAMMAPĀRAMITĀ

1. Yudhañjayacariyaṃ

242. Yadā ahaṃ amitayaso rājaputto yudhañjayo
ussāvabinduṃ suriyātape patitaṃ disvāna saṃvijim.¹
243. Taññevādhipatiṃ katvā saṃvegamanubrūhayiṃ
mātāpitu² ca vanditvā pabbajjamanuyācahaṃ.
244. Yācanti maṃ pañjalikā sanegamā saratthakā
ajjeva putta paṭipajja iddhaṃ phītaṃ mahāmahiṃ.
245. Sarājake sahorodhe sanegame saratthake
karuṇaṃ paridevante anapekkho hi pabbajim.³
246. Kevalaṃ paṭhaviṃ rajjaṃ ñāti parijana⁴ yasaṃ
cajamāno na cintesiṃ bodhiyāyeva kāraṇā.
247. Mātā pitā na me dessā napi⁵ dessaṃ mahāyasaṃ
sabbaññutaṃ piyaṃ mayhaṃ tasmā rajjaṃ pariccajinti.

Yudhañjayacariyaṃ paṭhamaṃ.

2. Somanassacariyaṃ

248. Punāparaṃ yadā homi indapatte puruttame
kāmito dayito putto somanassoti vissuto.
249. Sīlavā guṇasampanno kalyāṇapaṭibhāṇavā
vuddhāpacāyī hirimā saṅgahesu ca kovido.
250. Tassa rañño patikaro ahosi kuhakatāpaso
ārāmaṃ mālāvacchañca ropayitvāna jīvati.

1. saṃvijji - PTS.

2. mātā pitu - PTS.

3. anapekkho pariccajim - Sīmu.

4. parijsanaṃ - PTS.

5. napi me dessaṃ - Sīmu.

III. SỰ TOÀN HẢO VỀ XUẤT LY:

1. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Yudhañjaya:¹

242. Khi ta là hoàng tử Yudhañjaya có danh tiếng vô lượng, ta đã động tâm sau khi nhìn thấy giọt sương mai bị tiêu tan dưới ánh nắng mặt trời.²

243. Sau khi trầm tư về chính điều ấy, ta đã làm cho nổi động tâm tăng trưởng. Ta đã cúi lạy mẹ cha và xin phép xuất gia.

244. Họ cùng với các thị dân và các cư dân của xứ sở, hai tay chấp lại, thỉnh cầu ta rằng: “*Này con, ngay ngày hôm nay con hãy cai quản lãnh địa rộng lớn, tiến triển, và thịnh vượng.*”

245. Trong khi họ, có cả đức vua, có cả phi tần, có thị dân, có cư dân của xứ sở, đang khóc lóc thảm thương, bởi vì ta đã xuất gia, không lưu luyến.

246. Trong khi từ bỏ toàn bộ trái đất, vương quốc, quyền thuộc, người hầu, và danh vọng, ta đã không suy nghĩ (đến điều gì khác) với lý do chỉ là vì quả vị giác ngộ.

247. Mẹ cha không có bị ta ghét bỏ, danh vọng lớn lao cũng không có bị ta ghét bỏ, đối với ta quả vị Toàn Giác là yêu quý; vì thế ta đã từ bỏ vương quốc.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Yudhañjaya là phần thứ nhất.

2. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Somanassa:³

248. Vào một thời điểm khác nữa, khi ở tại kinh thành Indapatta, ta là người con trai được mong mỏi, được yêu quý, được nổi tiếng (với tên) là Somanassa.

249. Ta là người có giới, được thành tựu đức hạnh, có lối ứng xử lịch thiệp, có sự tôn kính bậc trưởng thượng, có sự khiêm tốn, và rành rẽ về các cách tiếp độ.

250. Có gã đạo sĩ giả trá được đức vua ấy yêu mến. Ông ta trồng trọt rau quả hoa màu rồi sinh sống.

1. Chuyện Tiên Thân Đức Phật, câu chuyện 460.

2. Do tác động của sự tương đến vô thường, CpA. 183.

3. Chuyện Tiên Thân Đức Phật, câu chuyện 505.

251. Tamahaṃ disvāna kuhakaṃ thusarāsivva ataṇḍulaṃ.¹
dumaṃ anto va susiraṃ kadaliṃ va asāraṃ.
252. Natthi 'massa sataṃ dhammo sāmāññāpagato ayaṃ
hirisukkadhammajahito jīvitavuttikāraṇā.
253. Kupito ahosi paccanto aṭavīhi parantihi
taṃ nisedhetuṃ gacchanto anusāsi pitā mamaṃ.
254. Mā pamajji tuvaṃ tāta jaṭilaṃ uggatāpanaṃ
yadicchakaṃ pavattehi sabbakāmadado hi so.
255. Tamahaṃ gantvā'nupaṭṭhānaṃ idaṃ vacanamabraviṃ
kaccite gahapati kusalaṃ kiṃ vā te āhariyatu.
256. Tena so kupito āsi kuhako mānanissito
ghātāpemi tuvaṃ ajja raṭṭhā pabbājayāmi vā.
257. Nisedhayitvā paccantaṃ rājā kuhakamabravi
kacci te bhante khamanīyaṃ sammāno te pavattito
tassa ācikkhati pāpo kumāro yathā nāsiyo.
258. Tassa taṃ vacanaṃ sutvā āṇāpesi mahīpati
sīsaṃ tattheva chinditvā katvāna catukhaṇḍikaṃ
rathiyā rathiyaṃ dassetha sā gatī jaṭilahīḷito.²
259. Tattha kāraṇikā gantvā caṇḍā luddā akāruṇā
mātu anke nisinnassa ākaḍḍhitvā nayanti maṃ.
260. Tesāhaṃ evamavacaṃ bandhataṃ gāḷhabandhanaṃ
rañño dassetha maṃ khippaṃ rājakiriyāni atthime.

1. rāsivva taṇḍulaṃ - Sīmu.

2. hīḷitā - Sīmu, PTS.

251. Nhận biết ông là giả trá ví như đồng trấu không có hạt gạo, ví như thân cây có lỗ bọng lớn ở bên trong, ví như cây chuối không có lõi cứng.

252. Không có pháp của các bậc thiện trí ở người này. Vì lý do nuôi dưỡng mạng sống, người này đã xa rời Sa-môn hạnh, đã từ bỏ pháp trong sạch là sự khiêm tốn.

253. Vùng biên giới đã bị khuấy động bởi những kẻ lâm tặc thuộc các xứ lân bang. Khi ra đi để dẹp yên việc ấy, cha (ta) đã dạy bảo ta rằng:

254. *“Này con yêu dấu, con chớ có lơ là với vị đạo sĩ tóc bện nghiêm trì khổ hạnh. Hãy thi hành điều (vị ấy) ước muốn bởi vì vị ấy là người ban bố (cho chúng ta) mọi điều lạc thú.”*

255. Ta đã đi đến phục vụ vị ấy và đã nói lời này: *“Này gia chủ, ông có được an vui không?”* hoặc *“Vật gì cần được mang lại cho ông?”*

256. Vì thế, kẻ giả trá, chất chứa ngã mạn ấy đã giận dữ (nói rằng): *“Hôm nay, ta sẽ làm cho người hoặc là bị giết chết, hoặc là bị trục xuất ra khỏi vương quốc.”*

257. Sau khi bình định khu vực biên giới, đức vua đã nói với kẻ giả trá (ấy) rằng: *“Thưa ngài, ngài có được thoải mái, có được sự tôn kính không?”* Gã xấu xa đã nói với đức vua rằng: *“Hoàng tử cần phải bị trừng trị như thế.”*

258. Sau khi nghe được lời nói ấy của kẻ ấy, vị chúa tể của trái đất đã ra lệnh rằng: *“Hãy chém đầu ngay tại chỗ, rồi phân (thây) thành bốn mảnh, và cho trưng bày ở khắp các ngã đường; đó là phần số dành cho kẻ miệt thị vị đạo sĩ tóc bện.”*

259. Tại nơi ấy,¹ những người hành quyết độc ác, hung dữ, bất nhân đã lôi kéo ta đang ngồi ở lòng mẹ rồi dẫn đi.²

260. Ta đã nói với họ như vậy: *“Hãy cấp tốc đưa ta đã bị trói bằng gông xiềng chắc chắn đến trình diện đức vua, ta có các việc cần làm cho đức vua.”*

1. *tattha*, được giải thích là: “với sự ra lệnh của đức vua ...,” CpA. 191.

2. Lúc ấy, đức Bồ-tát được bảy tuổi, CpA. 189.

261. Te maṃ rañño dassayiṃsu pāpassa pāpasevino
disvāna taṃ saññapesiṃ¹ mamañca vasamānayaṃ.
262. So maṃ tattha khamāpesi mahārajjamadāsi me
sohaṃ tamaṃ dālayitvā pabbajiṃ anagāriyaṃ.
263. Na me dessaṃ mahārajjam kāmabhogo na dessiyo
sabbaññutaṃ piyaṃ mayhaṃ tasmā rajjam pariccajinti.
Somanassacariyaṃ dutiyaṃ.

3. Ayogharacariyaṃ

264. Punāparaṃ yadā homi kāsirājassa atrajo
ayogharamhi saṃvaḍḍho nāmenāsi ayogharo.
265. Dukkheṇa jīvito laddho sampīḷe patiposito
ajjeva putta paṭipajja kevalaṃ vasudhaṃ imaṃ.
266. Saraṭṭhakaṃ sanigamaṃ sajanaṃ vanditvā khattiyaṃ
añjalimpaggahetvāna idaṃ vacanamabruviṃ.
267. Ye keci mahiyā sattā hīnamukkaṭṭhamajjhimā
nirārakkhā sake gehe vaḍḍhanti saha ñātihi.²
268. Idaṃ loke uttariyaṃ sampīḷe mama posanaṃ
ayogharamhi saṃvaḍḍho appabhe'candasūriye.
269. Pūṭikuṇapasampunṇā³ muccitvā mātukucchito
tato ghoratare dukkhe puna pakkhitto ayoghare.
270. Yadihaṃ tādisaṃ patvā dukkhaṃ paramadāruṇaṃ
rajjesu yadi rañjāmi⁴ pāpānaṃ uttamo siyā.⁵

1. saññāpesiṃ - Sīmu, PTS.

2. ñātihi - PTS, katthaci.

3. sampunṇo - Sīmu.

4. rajjāmi - Pa.

5. siyaṃ - PTS, katthaci.

261. Bọn họ đã đưa ta đến gặp vị vua ác xấu là người thân cận với kẻ ác xấu. Sau khi tiếp kiến, ta đã làm cho đức vua hiểu rõ và ta đã tạo được uy thế cho ta.

262. Đức vua đã yêu cầu thứ lỗi về việc ấy và đã trao vương quốc rộng lớn lại cho ta. Ta đây, sau khi phá tan sự mê muội, đã xuất gia theo hạnh không nhà.

263. Vương quốc rộng lớn không có bị ta ghét bỏ, sự hưởng thụ các dục không có bị ta ghét bỏ, đối với ta quả vị Toàn Giác là yêu quý; vì thế ta đã từ bỏ vương quốc.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Somanassa là phần thứ nhì.

3. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Ayoghara:¹

264. Vào một thời điểm khác nữa, khi ta là người con trai của đức vua Kāsi, ta đã lớn lên trong căn nhà bằng sắt² và đã được gọi với tên là Ayoghara.

265. (Vua cha đã phán rằng:) “*Này con, mạng sống của con được tiếp nhận một cách khó khăn, được nuôi dưỡng ở nơi bực bội. Ngay chính ngày hôm nay, con hãy cai quản toàn thể trái đất này*

266. *cùng với cư dân trong xứ sở, luôn cả phố chợ, và loài người nữa.*” Sau khi đánh lễ vị Sát-đế-ly, ta đã chấp tay lên và đã nói lời này:

267. “*Bất cứ chúng sanh nào ở trên trái đất, đâu kém cõi, cao quý, hoặc trung bình, lớn lên trong nhà của chính họ cùng với các thân quyến không cần sự bảo vệ.*”

268. (Rồi ta đã suy nghĩ rằng:) “*Sự nuôi dưỡng này của ta ở trong nơi bực bội là hy hữu ở trên thế gian. Ta đã được lớn lên trong căn nhà bằng sắt thiếu hẳn ánh sáng mặt trăng và mặt trời.*

269. *Có được tẩm thân hôi thối này sau khi rời khỏi bụng mẹ, từ đó ta lại bị ném vào căn nhà sắt khổ sở và kinh hãi hơn một lần nữa.*

270. *Nếu sau khi đã đạt đến khổ đau vô cùng ghê rợn như thế ấy, nếu ta còn thích thú trong vương quyền thì ta là kẻ tội tệ nhất trong số những kẻ ác xấu.*”

1. Chuyện Tiền Thân Đức Phật, câu chuyện 510.

² Xem thêm phần Phụ Chú ở trang 333.

271. Ukkaṅṭhitomhi kāyena rajjenamhi anattiko
nibbutiṃ pariyesissaṃ yattha maccu na maddiye.
272. Evāhaṃ cintayitvāna viravantam mahājanam
nāgoḃa bandhanam chetvā pāvisiṃ¹ kānanam vanam.
273. Mātā pitā na me dessā napi me dessaṃ mahāyasaṃ
nabbaññutam piyaṃ mayhaṃ tasmā rajjam pariccajinti.

Ayogharacariyaṃ tatiyaṃ.

4. Bhisacariyaṃ

274. Punāparaṃ yadā homi kāsīnam puravaruttame
bhagini bhātaro satta nibbattā sotthiye kule.
275. Etesaṃ pubbajo āsiṃ hirisukkamupāgato
bhavaṃ disvāna bhayato nekkhammābhirato ahaṃ.
276. Mātā pitūhi pahitā² sahāyā ekamānasā
kāmehi maṃ nimantenti kulavaṃsaṃ dharehīti.
277. Yaṃ tesam vacanam vuttam gihī dhamme sukhāvahaṃ
tamme ahosi kaṭhinaṃ tattaphālasamaṃ³ viya.
278. Te maṃ tadā ukkhipantaṃ pucchimsu patthitaṃ mama
Kiṃ tvaṃ patthayaṣi? Samma ! Yadi kāme na bhuñjasi.
279. Tesāhaṃ evamavacaṃ atthakāmo⁴ hitesinaṃ
nāhaṃ patthemi gihībhāvaṃ nekkhammābhirato ahaṃ.
280. Te mayhaṃ vacanam sutvā pitu mātu ca sāvayaṃ⁵
mātā pitā evamāhu sabbepi⁶ pabbajāma bho.
281. Ubho mātā pitā mayhaṃ bhagini ca⁷ satta bhātaro
amitaṃ dhanam chaḍḍhayitvā pāvisimhā⁸ mahāvananti.

Bhisacariyaṃ catutthaṃ.

1. pāvīsi - PTS.

2. pahito - Sīmu.

3. tattapāla - Sīmu;
santatta - Machasaṃ.

4. atthakāma hitesinaṃ - Sīmu.

5. sāvayyaṃ - Nā; sāvesu - Machasaṃ.

6. sabbeva - Sīmu, Pa.

7. bhagini - Sīmu.

8. pāvīsi - Nā, PTS.

271. *Ta nhàm chán xác thân, ta không mong muốn vương quyền, ta sẽ tìm cầu sự tịch diệt Niết-bàn là nơi tử thân không thể đầy đọa.*”

272. Trong lúc đó đám đông đang kêu gào, ta đã suy nghĩ như vậy và đã đi vào khu rừng rậm, giống như con voi đã giật đứt xiềng xích.

273. Mẹ cha không có bị ta ghét bỏ, danh vọng lớn lao cũng không có bị ta ghét bỏ, đối với ta quả vị Toàn Giác là yêu quý; vì thế ta đã từ bỏ vương quốc.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Ayoghara là phần thứ ba.

4. Hạnh của (Đức Bồ-tát) Bhisā:¹

274. Vào một thời điểm khác nữa, khi ta ở tại kinh thành của xứ Kāsi, (ta có) một người em gái và bảy người em trai được sanh ra trong gia đình quý phái (dòng Bà-la-môn).

275. Trong số những người này, ta đã được sanh ra trước tiên, đạt được pháp trong sạch là sự khiêm tốn. Sau khi nhận thấy sự hiện hữu là nguy hại, ta đã thỏa thích trong việc xuất gia.

276. Các thân hữu, được mẹ và cha nhắc đến, đồng tâm mời mọc (ta) bằng các dục lạc: *“Bạn hãy duy trì dòng dõi gia tộc.”*

277. Lời nào của những người ấy được nói ra về việc đem lại lạc thú trong cuộc sống gia đình, điều ấy đối với ta được xem tương tự như lưỡi cày đã được nung đỏ, thô thiển.

278. Khi ấy, họ đã hỏi ta, kể từ khước (cuộc sống gia đình), về nguyện vọng của ta: *“Này bạn, nếu bạn không hưởng thực các dục thì bạn mong muốn điều gì?”*

279. Là người mong muốn điều tốt đẹp, ta đã nói với họ, những người đang tìm cầu lợi ích (cho ta) rằng: *“Tôi không mong muốn trạng thái người tại gia, tôi thỏa thích trong sự xuất ly.”*

280. Sau khi lắng nghe lời nói của ta, họ đã thuật lại cho cha mẹ (ta). Mẹ cha ta đã nói như vậy: *“Này quý vị, tất cả chúng tôi cũng xuất gia.”*

281. Cả hai mẹ cha của ta, người em gái, và bảy em trai đã buông bỏ của cải vô số rồi đi vào trong khu rừng lớn.

Hạnh của (đức Bồ-tát) Bhisā là phần thứ tư.

1. Chuyện Tiền Thân Đức Phật, câu chuyện 488.